

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04/5/2020

V/v “*Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hùng và bà Đỗ Thu Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 04/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2020 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Phương D, sinh năm 1988 (Có mặt)

ĐKHKT tại: Thôn P, xã T, huyện T, H.

Hiện đang trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, H.

Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1987 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, chị Đinh Thị Phương D trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ngày 25 tháng 4 năm 2008, chị Đinh Thị Phương D và anh Trần Văn C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chị D và anh C sống hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Chị D đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với anh C từ tháng 4/2019. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

* Về con chung: Chị Đinh Thị Phương D và anh Trần Văn C có hai con chung là cháu Trần Đình Gia B, sinh ngày 25/7/2009 và cháu Trần Khải N, sinh ngày 28/5/2017. Cháu Trần Đình Gia B và cháu Trần Khải N đang ở cùng chị D. Nếu ly hôn, chị D có nguyện vọng nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh C phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

* Về tài sản chung, công nợ chung : Chị Đinh Thị Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn C không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh, ông Trần Văn Q là bố đẻ của anh Trần Văn C trình bày: Anh Trần Văn C và chị Đinh Thị Phương D kết hôn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, anh C và chị D sống cùng với vợ chồng ông Q tại thôn P, xã T, huyện T, TP. H. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh C là do anh C chơi bời, nợ nần nhiều. Chị D và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh C không thay đổi. Hiện tại, anh C và chị D đã sống ly thân, anh C sống cùng vợ chồng ông Q nhưng thường xuyên vắng nhà. Chị D và anh C có hai con chung là cháu Trần Đình Gia B, sinh ngày 25/7/2009 và cháu Trần Khải N, sinh ngày 28/5/2017. Cháu Trần Đình Gia B và cháu Trần Khải N đang ở cùng chị D. Chị D và anh C không có tài sản chung, công nợ chung.

Tại biên bản xác minh bà Nguyễn Thị O là mẹ đẻ của chị Đinh Thị Phương D khai: Chị Đinh Thị Phương D và hai cháu Trần Đình Gia B và Trần Khải N đang ở cùng vợ chồng ông bà tại thôn L, xã T, huyện T, Thành phố H. Gia đình bà O luôn tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ về kinh tế để chị D chăm sóc tốt nhất cho hai cháu Trần Đình Gia B và Trần Khải N. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh C và chị D là do anh C chơi bời, nợ nần nhiều và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nếu anh C không thay đổi thì anh C và chị D khó có khả năng đoàn tụ.

Xác minh tại chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H cung cấp: Chị Đinh Thị Phương D và anh Trần Văn C đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H. Sau khi kết hôn, chị Đinh Thị Phương D và anh Trần Văn C sống tại thôn P, xã T, huyện T, TP. H. Do phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống và không tự hòa giải được nên chị D đã nộp đơn xin ly hôn anh C trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện T. Chị Đinh Thị

Phương D và anh Trần Văn C có hai con chung là cháu Trần Đình Gia B, sinh ngày 25/7/2009 và cháu Trần Khải N, sinh ngày 28/5/2017. Cháu Trần Đình Gia B và cháu Trần Khải N đang ở cùng chị D. Để đảm bảo quyền, lợi ích cho các đương sự trong vụ án, Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị Đinh Thị Phương D giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn, đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Sau khi nghiên hồ sơ vụ án và nghe phần trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đinh Thị Phương D được ly hôn anh Trần Văn C; Về con chung: Giao cháu Trần Đình Gia B, sinh ngày 25/7/2009 và cháu Trần Khải N, sinh ngày 28/5/2017 cho chị Đinh Thị Phương D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Đình Gia B và cháu Trần Khải N đủ 18 tuổi, lao động tự lập được hoặc khi có đề nghị, thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Trần Văn C đối với cháu Trần Đình Gia B và cháu Trần Khải N cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác. Anh C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị Đinh Thị Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Chị Đinh Thị Phương D phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, chị Đinh Thị Phương D đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn và các vấn đề khác với anh Trần Văn C, sinh năm 1987, đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại thôn P, xã T, huyện T, TP. H nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

3. Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ vợ chồng: Chị Đinh Thị Phương D và anh Trần Văn C kết hôn vào ngày 25/4/2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H. Chị D và anh C kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên giữa chị D và anh C đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 4/2019 đến nay. Tòa án tiến hành hòa giải để chị D và anh C đoàn tụ nhưng không thành do chị D cương quyết đề nghị Tòa xét xử cho ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đinh Thị Phương D và anh Trần Văn C căng thẳng từ lâu, cả hai đã chấm dứt quan hệ tình cảm và sống ly thân được một năm, chị D không còn tình cảm vợ chồng với anh C và nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị D giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Trong khi đó, anh C không đến Tòa thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án, không thể hiện mong muốn đoàn tụ. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị D được ly hôn với anh C là đúng pháp luật.

* Về con chung: Chị Đinh Thị Phương D và anh Trần Văn C có hai con chung là cháu Trần Đình Gia B, sinh ngày 25/7/2009 và cháu Trần Khải N, sinh ngày 28/5/2017. Cháu Trần Đình Gia B và cháu Trần Khải N đang ở cùng chị D. Nếu ly hôn, chị Đinh Thị Phương D có nguyện vọng nuôi cả hai cháu nên giao cả hai cháu Trần Đình Gia B và cháu Trần Khải N cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là để đảm bảo quyền và lợi ích tốt nhất về mọi mặt cho hai cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đinh Thị Phương D không yêu cầu anh Trần Văn C phải đóng góp phí tổn nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Trần Văn C đối với cháu Trần Đình Gia B và cháu Trần Khải N cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

* Về tài sản, công nợ chung: Chị Đinh Thị Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

* Về án phí: Chị Đinh Thị Phương D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012165 ngày 10/01/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

* Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Phương D và anh Trần Văn C có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;
và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử lý hôn giữa: chị Đinh Thị Phương D và anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đình Gia B, sinh ngày 25/7/2009 và cháu Trần Khải N, sinh ngày 28/5/2017 cho chị Đinh Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Đình Gia B và cháu Trần Khải N đủ 18 tuổi, lao động tự lập được hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Trần Văn C đối với cháu Trần Đình Gia B và cháu Trần Khải N cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Đinh Thị Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Phương D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012165 ngày 10/01/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Mai